



dòng yì

动议

noun · motion / proposal

Example Sentences

Tā zài huì yì shàng tí chū le yī xiàng dòng yì.
他在会议上提出了一项动议。

He proposed a motion at the meeting.

Zhè xiàng dòng yì dé dào le dà jiā de zhī chí.
这项动议得到了大家的支持。

This motion received everyone's support.

Trace each character, then write the word on your own.

动 动 动 动 动 动 动 动 动

议 议 议 议 议 议 议 议